

MINVEC

Bộ Hợp tác Kinh tế và Đầu tư nước ngoài
(Nay là Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài)

Vụ Khảo sát và Quản lý Dự án Đầu tư
(DEGPI)

LUẬT SỐ 77

LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Năm 2007

LUẬT SỐ 77

LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA CUBA

RICARDO ALARCÓN DE QUESADA, Chủ tịch Quốc hội Chính quyền Nhân dân nước Cộng hòa Cuba.

Công bố: Quốc hội Chính quyền Nhân dân nước Cộng hòa Cuba tại phiên họp ngày 5 tháng 9 năm 1995, kỳ họp lần thứ 5, Quốc hội Khóa IV đã thông qua văn bản sau:

Vì rằng: Trên thế giới ngày nay không còn hệ thống xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thế giới bị toàn cầu hoá với các xu thế bá quyền mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và quân sự, với mục tiêu giữ vững những thành quả của mình trong hoàn cảnh bị bao vây cấm vận ngặt nghèo, Cuba thiếu vốn, công nghệ, nhiều khi thiếu thị trường và rất cần cơ cấu lại ngành công nghiệp. Thông qua đầu tư nước ngoài trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, có thể đạt được nhiều lợi ích từ việc nhập những công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại hoá ngành công nghiệp, tăng hiệu quả sản xuất, tạo ra nhiều việc làm mới, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung ứng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh ở thị trường nước ngoài, tiếp cận được một số thị trường nhất định. Tất cả những yếu tố kể trên là điểm tựa cho những nỗ lực mà cả nước cần phải tiến hành, trên chặng đường phát triển kinh tế và xã hội.

Vì rằng: Hiến pháp nước Cộng hoà Cuba được cải cách vào năm 1992, thừa nhận trong số các hình thức sở hữu khác nhau, hình thức sở hữu của công ty liên doanh, các công ty và liên kết kinh tế được thành lập theo Luật và được phê duyệt trong mối tương quan với hình thức sở hữu nhà nước. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu một phần hay toàn bộ các chủ thể và hạng mục kinh tế là việc làm mang tính chất ngoại lệ và chỉ trong trường hợp việc chuyển

nhượng ấy được cân nhắc là cần thiết, đem lại lợi ích và nhằm mục tiêu phát triển đất nước.

Vì rằng: Những thay đổi diễn ra trong nền kinh tế đất nước theo hướng khuyến khích, thúc đẩy tích cực vốn đầu tư nước ngoài vào Cuba; đồng thời mở rộng những khả năng liên quan tới các hình thức và lĩnh vực đầu tư, trong nhiều yếu tố cơ bản, những thay đổi kể trên đã vượt quá khung pháp lý cho phép tới thời điểm này căn cứ theo Pháp lệnh số 50 qui định về vấn đề “Liên kết kinh tế giữa các công ty Cuba và công ty nước ngoài”, ban hành ngày 15 tháng 8 năm 1982.

Vì rằng: Để mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đầu tư nước ngoài tham gia vào nền kinh tế quốc gia, cần phải ban hành một Luật mới, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư nước ngoài và cho phép đảm bảo một cách cơ bản sự phát triển bền vững của quốc gia và vì sự phục hồi của nền kinh tế đất nước, đảm bảo được các nguồn tài chính, công nghệ và tìm ra thị trường mới cho bất kỳ lĩnh vực sản xuất và dịch vụ nào mang lợi ích cho cả hai bên.

Bởi vậy: Quốc hội Chính quyền Nhân dân nước Cộng hoà Cuba với thẩm quyền và chức năng được quy định tại khoản b) Điều 75 Hiến pháp nước Cộng hoà Cuba, thống nhất ban hành văn bản sau:

Luật số 77

Luật Đầu Tư Nước Ngoài

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG

Điều 1:

1. Luật này nhằm mục đích khuyến khích và thúc đẩy đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa Cuba để tiến hành các hoạt động sinh lợi góp phần củng cố năng lực kinh tế và sự phát triển bền vững của đất nước trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ

quyền quốc gia, bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và theo đó thiết lập các qui định pháp lý cơ bản mà nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm tuân thủ.

2. Trong nhiều khía cạnh khác nhau, Luật này qui định những đảm bảo dành cho nhà đầu tư, những lĩnh vực thuộc nền kinh tế quốc gia có thể nhận đầu tư nước ngoài, các hình thức đầu tư cho phép đầu tư nước ngoài tham gia, các loại hình góp vốn khác nhau, thủ tục xin cấp phép, các qui định ngân hàng, những qui định về thuế đặc biệt và lao động đối với các dự án đầu tư, qui chuẩn liên quan tới bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

CHƯƠNG II

Ý NGHĨA LỜI VĂN

Điều 2: Trong Luật này, các thuật ngữ được sử dụng với những nghĩa sau đây:

a) Liên kết kinh tế quốc tế:

Là sự kết hợp của một hay nhiều nhà đầu tư trong nước với một hay nhiều nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ quốc gia để sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc cả hai mục tiêu, nhằm mục đích lợi nhuận dưới hai hình thức: công ty liên doanh và hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế.

b) Giấy phép:

Là văn bản do Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng (UBTTHĐBT) hoặc do một Ủy ban của Chính phủ cấp, cho phép tiến hành một trong các hình thức đầu tư nước ngoài theo qui định của Luật này, trong một thời hạn xác định.

c) Vốn nước ngoài:

Là Vốn có nguồn gốc từ nước ngoài, cũng như phần lợi tức thuộc về nhà đầu tư nước ngoài được tái đầu tư theo hiệu lực pháp lý của Luật này.

d) Chức vụ điều hành cấp cao:

Là chức vụ của các thành viên thuộc các tổ chức điều hành và quản lý công ty liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, cũng như đại diện của các bên trong những hợp đồng liên kết và cán bộ lãnh đạo của các công ty 100% vốn nước ngoài.

e) Ủy ban Chính phủ:

Là Ủy ban do UBND thành lập, có thẩm quyền thông qua các dự án đầu tư có vốn nước ngoài trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của mình, phù hợp với các điều khoản quy định của Luật này.

f) Nhượng quyền quản lý:

Là hành động đơn phương của Chính phủ nước Cộng hòa cho phép một đơn vị quyền khai thác một dịch vụ công cộng, một nguồn tài nguyên thiên nhiên hoặc thực hiện và khai thác một công trình công cộng theo những điều kiện và thời hạn được thiết lập.

g) Hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế:

Là hiệp ước hoặc thỏa thuận giữa một hoặc nhiều nhà đầu tư trong nước với một hoặc nhiều nhà đầu tư nước ngoài để cùng thực hiện các hoạt động riêng biệt của một liên kết kinh tế quốc tế, cho dù thỏa thuận đó không hình thành một tư cách pháp nhân riêng khác với tư cách pháp nhân của các bên.

h) Công ty 100% vốn nước ngoài:

Là đơn vị kinh doanh với vốn nước ngoài, không có sự tham gia góp vốn của bất kỳ nhà đầu tư trong nước nào.

i) Công ty liên doanh:

Là công ty kinh doanh Cuba hoạt động dưới hình thức cổ phần; trong đó có sự tham gia với tư cách cổ đông của một hay nhiều nhà đầu tư trong nước với một hay nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

j) Đơn vị cung cấp lao động:

Là tổ chức của Cuba có tư cách pháp nhân và thẩm quyền cung cấp cho các công ty liên doanh hoặc công ty 100% vốn nước ngoài nhân công với các mức độ đào tạo khác nhau, trên cơ sở nhu cầu và đề nghị của các công ty thông qua hợp đồng. Những nhân công này duy trì mối liên hệ lao động với tổ chức kể trên.

k) Quyền lợi:

Bao gồm lương, thu nhập và các khoản tiền được chi trả khác, cũng như khoản tăng lương, tiền bồi thường và những khoản thanh toán bổ sung mà người lao động Cuba và nước ngoài được hưởng, trừ những khoản chi trả có nguồn gốc từ quỹ khuyến khích kinh tế, nếu có.

l) Đầu tư nước ngoài:

Là những đóng góp về vốn được thực hiện bởi những nhà đầu tư nước ngoài dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật này.

m) Nhà đầu tư nước ngoài:

Là tự nhiên nhân hay pháp nhân có địa chỉ cư trú ở nước ngoài và vốn nước ngoài, trở thành cổ đông của công ty liên doanh hoặc tham gia vào công ty 100% vốn nước ngoài, hay tham gia với tư cách một Bên trong hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế.

n) Nhà đầu tư trong nước:

Là công ty hoặc đơn vị nhà nước có tư cách pháp nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn; hoặc pháp nhân khác mang quốc tịch Cuba, có nơi cư trú trong nước, trở thành cổ đông của một công ty liên doanh, hoặc tham gia với tư cách một Bên trong hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế.

CHƯƠNG III

NHỮNG ĐẢM BẢO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 3:

Đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Cuba được hưởng đầy đủ những đảm bảo và sự bảo vệ cần thiết, không bị trưng thu trừ phi việc trưng thu ấy được Chính phủ cân nhắc vì những lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích xã hội, căn cứ theo các điều khoản Hiến pháp của nhà nước Cộng hòa, phù hợp với pháp luật hiện hành và với các thỏa thuận quốc tế mà Cuba tham gia ký kết về xúc tiến và bảo hộ đầu tư hai chiều. Việc bồi thường sẽ được tiến hành thông qua đồng tiền tự do chuyển đổi tính theo giá trị thương mại được qui định theo thỏa thuận giữa hai Bên.

Trường hợp hai phía không đạt được thỏa thuận, việc định giá sẽ được tiến hành bởi một tổ chức có uy tín quốc tế trong lĩnh vực định giá kinh doanh, được Bộ Tài chính và Vật giá cho phép và được hợp đồng trên cơ sở thỏa thuận của các Bên, hoặc được nhà đầu tư nước ngoài và Bộ Hợp tác Kinh tế và Đầu tư nước ngoài hợp đồng thuê định giá nếu đơn vị liên quan là một công ty 100% vốn nước ngoài.

Điều 4:

1. Thời hạn cho phép để triển khai vận hành một liên doanh, đối với các bên tham gia hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế hay cho một công ty 100% vốn nước ngoài, có thể được chính cấp có thẩm quyền cấp phép gia hạn. Các bên quan tâm cần yêu cầu xin gia hạn trước khi thời hạn quy định trong Giấy phép kết thúc.
2. Trường hợp các bên không yêu cầu gia hạn, khi thời hạn kết thúc, các thủ tục giải thể công ty liên doanh, công ty 100% vốn nước ngoài và hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế sẽ được tiến hành theo thỏa thuận tại các văn bản thành lập và quy định của luật pháp hiện hành. Phần thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được thanh toán bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, trừ trường hợp tồn tại một thỏa thuận khác.

Điều 5:

Đầu tư nước ngoài được bảo vệ và đối xử một cách công bằng trước các tranh chấp và khiếu nại của bên thứ 3, được điều chỉnh dựa trên các quyền, phù hợp với luật pháp và những quy định của toà án Cuba.

Điều 6:

1. Tại bất kỳ thời điểm nào, theo thỏa thuận giữa các Bên, Nhà đầu tư nước ngoài trong 1 liên kết kinh tế quốc tế có thể bán hoặc chuyển nhượng dưới mọi hình thức cho Nhà nước hay cho bên thứ ba toàn bộ hay 1 phần vốn tham gia của mình trong liên kết kinh tế ấy nếu được sự cho phép của Chính phủ

và nhận được trị giá thanh toán tương ứng bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, trừ trường hợp tồn tại một thỏa thuận ngược lại.

2. Tại bất kỳ thời điểm nào, nhà đầu tư nước ngoài trong 1 công ty 100% vốn nước ngoài có thể bán hoặc chuyển nhượng dưới mọi hình thức cho Nhà nước hoặc cho bên thứ ba toàn bộ hay 1 phần vốn tham dự của mình trong liên kết kinh tế này nếu được sự cho phép của Chính phủ và nhận được trị giá thanh toán tương ứng bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, trừ trường hợp tồn tại một thỏa thuận khác.

Điều 7:

Giá trị tương ứng mà nhà đầu tư nước ngoài nhận được trong những trường hợp nêu ở Điều 4 và 6 của Luật này được xác định theo thỏa thuận giữa hai bên, hoặc trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, việc định giá sẽ được tiến hành bởi một tổ chức có uy tín quốc tế trong lĩnh vực định giá kinh doanh được Bộ Tài chính và Vật giá cho phép hoạt động trên lãnh thổ quốc gia và được hợp đồng trên cơ sở thỏa thuận của các Bên, hoặc theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư nước ngoài trong một doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài với Bộ Hợp tác Kinh tế và Đầu tư nước ngoài.

Điều 8:

1. Nhà nước đảm bảo cho nhà đầu tư nước ngoài quyền tự do chuyển tiền ra nước ngoài bằng đồng tiền tự do chuyển đổi mà không phải nộp bất cứ khoản thuế hay chi phí nào liên quan đến giao dịch chuyển khoản kể trên, bao gồm những khoản giao dịch sau:
 - a) Lãi suất hoặc lợi nhuận thu được trong quá trình khai thác đầu tư;
 - b) Những khoản tiền nhận được trong các trường hợp đã nêu ở các điều 3, 4 và 6 của Luật này.
2. Những công dân nước ngoài không thường trú tại Cuba, cung cấp các dịch vụ cho một công ty liên doanh, cho các bên trong

bất kỳ hình thức liên kết kinh tế quốc tế nào khác, hoặc cho một công ty 100% vốn nước ngoài được quyền chuyển ra nước ngoài những khoản tiền nhận được trong khuôn khổ qui định về số lượng và phù hợp với các qui định khác của Ngân Hàng Quốc gia Cuba.

Điều 9:

Các công ty liên doanh và các bên tham gia hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế có nghĩa vụ đóng các khoản thuế theo chế độ đặc biệt do Luật này quy định cho tới khi hết thời hạn được cấp phép.

Quy định tại khổ trước không áp dụng đối với các loại phí, những khoản đóng góp và các nghĩa vụ thuế chính thức được quy định theo pháp luật hiện hành, ngoại trừ những khoản đóng góp vào vấn đề an sinh xã hội, khổ trên cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán được nêu trong Luật Mỏ (khai khoáng) ban hành ngày 21 tháng 12 năm 1994 hoặc trong các điều khoản pháp lý khác được ban hành liên quan tới các nguồn tài nguyên thiên nhiên, những nghĩa vụ đó được thực hiện theo phương thức và số lượng qui định tại các điều khoản pháp lý kể trên.

CHƯƠNG IV

CÁC LĨNH VỰC DÀNH CHO ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 10:

Đầu tư nước ngoài có thể được cấp phép trong tất cả các lĩnh vực trừ lĩnh vực cung ứng dịch vụ y tế và giáo dục cho người dân và khối các cơ quan thuộc lực lượng vũ trang, không kể hệ thống doanh nghiệp của lực lượng này.

CHƯƠNG V

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Phần 1: Các biểu hiện và hình thức đầu tư nước ngoài.

Điều 11:

Theo hiệu lực của Luật này, được coi là đầu tư có vốn nước ngoài gồm có:

- a) Đầu tư trực tiếp, trong đó nhà đầu tư nước ngoài tham gia trực tiếp vào việc điều hành quản lý một công ty liên doanh hay một công ty 100% vốn nước ngoài và những hoạt động đầu tư ấy tạo ra những đóng góp riêng vào hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế;
- b) Đầu tư dưới hình thức cổ phần hoặc những phương thức giá trị khác, đầu tư công hoặc tư nhân mà không sở hữu các điều kiện của hình thức đầu tư trực tiếp.

Điều 12:

Đầu tư nước ngoài được áp dụng một trong các hình thức sau đây:

- a) Công ty liên doanh;
- b) Hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế;
- c) Công ty 100% vốn nước ngoài.

Phần 2: Công ty liên doanh

Điều 13:

1. Công ty liên doanh được hiểu là sự hình thành của một tư cách pháp nhân khác với tư cách pháp nhân của các bên, áp dụng hình thức công ty khuyết danh cổ phần và được áp dụng luật pháp hiện hành về các vấn đề liên quan.
2. Tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước do hai bên đối tác thỏa thuận và được quy định trong Giấy phép.
3. Việc thành lập một công ty liên doanh đòi hỏi phải có biên bản thành lập công khai có công chứng và kèm theo công cụ này là các phụ lục thỏa thuận hợp tác kinh tế, điều lệ và Giấy phép hoạt động.

Thỏa thuận hợp tác kinh tế bao gồm những thỏa ước cơ bản giữa các đối tác nhằm quản lý và triển khai việc vận hành của liên doanh, cũng như nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của liên doanh, trong đó bao gồm mục tiêu đảm bảo sự tham gia của phía Cuba trong việc quản lý hoặc đồng quản lý liên doanh và

các mục tiêu liên quan tới vấn đề đảm bảo thị trường cho sản xuất hoặc cho các dịch vụ của liên doanh; đảm bảo cơ sở cho hệ thống kế toán, tính toán và phân chia lợi nhuận.

Điều lệ hoạt động của liên doanh gồm có các điều khoản quy định liên quan đến việc tổ chức và vận hành công ty, trong đó có đề cập đến hội đồng cổ đông, tổ chức và quyền hạn; yêu cầu tối thiểu có mặt của các thành viên và các yêu cầu đòi hỏi đối với việc thực hiện quyền bỏ phiếu trong hội đồng cổ đông; cơ cấu và các quyền hạn của tổ chức điều hành và quản lý; phương pháp mà thông qua đó các tổ chức này đưa ra các quyết định trong hội đồng cổ đông và trong tổ chức điều hành và quản lý, phương pháp này có thể là biểu quyết theo đa số, cho đến nhất trí 100%; các trường hợp giải thể và thủ tục thanh lý công ty; cũng như các quy định khác dựa trên cơ sở pháp luật hiện hành trong lĩnh vực này, trong luật này và dựa trên thoả thuận của các bên tham gia.

4. Trong trường hợp biên bản thành lập không chỉ định người hoặc những người có trách nhiệm quản lý công ty liên doanh, thì sau đó Hội đồng cổ đông có thể tiến hành họp phiên đầu tiên và chỉ định các thành viên tham gia tổ chức điều hành và quản lý theo điều lệ hoạt động.
5. Sau khi một công ty liên doanh đã được thành lập, không thể thay đổi đối tác làm ăn nếu không được các bên đồng ý và không được nhà chức trách cấp phép thành lập liên doanh nói trên thông qua.

Thay đổi đối tác được hiểu là thay đổi tác nước ngoài bằng tự nhiên nhân hay pháp nhân khác hoặc thay đổi tác trong nước bằng một pháp nhân khác.

6. Các công ty liên doanh có thể thành lập văn phòng, lập đại diện, chi nhánh tại Cuba cũng như ở nước ngoài và có thể tham gia góp cổ phần vào các công ty ở nước ngoài.
7. Công ty liên doanh có tư cách pháp nhân kể từ thời điểm đăng ký tên vào Sổ đăng ký của Phòng Thương mại nước Cộng hòa Cuba.

Phần 3

Hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế

Điều 14:

1. Hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế có các đặc trưng sau đây:
 - a) Không bao hàm sự hình thành của một tư cách pháp nhân khác với pháp nhân của các bên tham gia hợp đồng.
 - b) Mục tiêu là thực hiện bất kỳ hoạt động nào mà các bên tham gia được cho phép.
 - c) Các bên ký hợp đồng được tự do thoả thuận các cam kết và điều khoản phù hợp với những lợi ích của mình với điều kiện không vi phạm mục tiêu và chức năng được cho phép, không vi phạm những điều kiện Giấy phép hoặc của luật pháp hiện hành.
 - d) Mỗi bên tham gia hợp đồng đóng góp với tỷ lệ khác nhau, hình thành nên sự tích lũy đóng góp mà các bên tham gia luôn là chủ sở hữu, mặc dù chưa hình thành nên vốn xã hội nhưng họ luôn có thể tạo nên một quỹ chung khi xác định được tỷ lệ sở hữu của mỗi bên.
2. Trong văn bản hợp đồng có ghi tỷ lệ đóng thuế của mỗi bên và thời điểm phân chia lợi nhuận giữa các bên trong năm sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ thuế và bù lỗ nếu có.
3. Trong hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, phía nào thực hiện một hoạt động quản lý đem lại lợi ích cho tất cả các bên, phải có trách nhiệm trước bên thứ ba về tất cả vấn đề liên quan, nhưng trong quan hệ nội bộ, mỗi bên phải chịu trách nhiệm ở mức độ hoặc tỷ lệ được thống nhất trong hợp đồng.
4. Sau khi hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế đã được thông qua, không được thay đổi các bên tham gia nếu không có sự đồng ý của các bên và được sự chuẩn y của nhà chức trách cấp phép.
5. Để Hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế được thông qua, cần phải có biên bản thành lập và hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tên tại Bộ phận Đăng ký thuộc Phòng Thương mại nước Cộng hòa Cuba.

Phần 4:

Công ty 100% vốn nước ngoài

Điều 15:

1. Tại công ty 100% vốn nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện công tác điều hành công ty đó, được hưởng mọi quyền lợi và chịu trách nhiệm trước các nghĩa vụ được nêu trong Giấy phép.
2. Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty 100% vốn nước ngoài có thể hành xử với tư cách của một tự nhiên nhân hoặc pháp nhân trên lãnh thổ quốc gia Cuba khi:
 - a) Thành lập chi nhánh Cuba của Công ty nước ngoài do bản thân làm chủ sở hữu dưới hình thức một công ty khuyết danh cổ phần hợp danh và đăng ký thành lập tại Phòng Đăng ký thuộc Phòng Thương mại nước Cộng hòa Cuba; hoặc
 - b) Đăng ký thành lập tại Phòng Đăng ký thuộc Phòng Thương mại nước Cộng hòa Cuba và tự hoạt động (không thông qua chi nhánh tại Cuba).

CHƯƠNG VI

ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 16:

1. Dưới sự bảo hộ của Luật này, đầu tư có thể được tiến hành trong lĩnh vực bất động sản, nắm quyền sở hữu hoặc những quyền thực chất khác.
2. Đầu tư vào bất động sản nêu ở khoản trên có thể dành cho những mục đích sau đây:
 - a) Đầu tư nhà ở và những công trình xây dựng dành làm nơi ở riêng hoặc được dùng cho mục đích du lịch cá nhân của những tự nhiên nhân không thường trú tại Cuba.
 - b) Nhà ở hoặc văn phòng cho các pháp nhân nước ngoài.
 - c) Phát triển bất động sản cho mục đích khai thác du lịch.

Điều 17:

Đầu tư mua bất động sản tự thân là một hoạt động mang tính chất doanh nghiệp và được coi là đầu tư trực tiếp.

Điều 18:

Các điều kiện và thời hạn mua, chuyển nhượng bất động sản nêu tại Điều 16 của Luật này được xác định trong Giấy phép và được điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII**GÓP VỐN VÀ ĐỊNH GIÁ VỐN GÓP****Điều 19:**

1. Theo quy định của Luật này, vốn đóng góp gồm có:

- a) Đồng tiền tự do chuyển đổi;
- b) Máy móc, thiết bị và các tài sản vật chất hoặc hữu hình khác;
- c) Quyền sở hữu trí tuệ và những quyền khác đối với các tài sản trừu tượng (phi vật thể);
- d) Quyền sở hữu tài sản, bất động sản và các quyền thực chất khác có liên quan, gồm có quyền cho thuê và quyền sử dụng mặt bằng;
- e) Những quyền và tài sản khác;

Những đóng góp không được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi sẽ được định giá bằng đồng tiền đó.

2. Việc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong nước quyền sở hữu hay các quyền thực chất khác đối với tài sản thuộc sở hữu nhà nước để những nhà đầu tư này thực hiện góp vốn, được tiến hành theo các nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Cuba và được Bộ Tài chính và Vật giá chứng nhận sau khi tiếp thu ý kiến của các tổ chức liên quan và phải được sự thông qua của Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Liên quan tới việc góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ và các quyền khác đối với những tài sản phi vật thể, phải căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành về lĩnh vực này.

3. Những đóng góp được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi sẽ được định giá dựa trên giá trị của đồng tiền ấy trên thị trường quốc tế; và khi đổi thành đồng nội tệ với mục đích của hoạt động kế toán, sẽ được điều chỉnh theo tỷ giá trao đổi của

Ngân hàng Quốc gia Cuba. Đồng tiền tự do chuyển đổi trong vốn góp của phía nước ngoài vào Cuba phải được giao dịch thông qua một đơn vị ngân hàng được phép thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Cuba.

4. Những vốn góp không phải bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, trừ quyền sở hữu trí tuệ và những quyền khác đối với các tài sản phi vật chất (trừu tượng) dùng để góp vốn cho các công ty liên doanh hoặc cho những hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, sẽ được định giá bằng các phương pháp được những nhà đầu tư tự do thỏa thuận. Có thể quy định rằng giá trị đóng góp được xác định bằng những chứng nhận pháp lý liên quan cấp bởi các đơn vị có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực định giá do Bộ Tài chính và Vật giá cấp và được ghi rõ trong biên bản thành lập công khai.
5. Việc định giá vốn góp cho các công ty 100% vốn nước ngoài không phải bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, ngoại trừ quyền sở hữu trí tuệ và các quyền khác đối với những tài sản phi vật thể luôn được tiến hành thông qua các chứng nhận định giá do đơn vị được phép của Bộ Tài chính và Vật giá cấp.
6. Những vốn góp bao gồm quyền sở hữu trí thức và các quyền khác đối với các tài sản phi vật thể được định giá theo phương pháp mà nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tự do thỏa thuận; hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế trong trường hợp của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

CHƯƠNG VIII

ĐÀM PHÁN VÀ CẤP PHÉP ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 20:

1. Nhằm thành lập một liên kết kinh tế quốc tế, nhà đầu tư trong nước phải đàm phán với nhà đầu tư nước ngoài từng khía cạnh đầu tư, bao gồm tính khả thi kinh tế của dự án, vốn góp của mỗi bên, hình thức điều hành và quản lý của liên kết cũng như các văn bản pháp lý cho sự thành lập liên kết kinh tế.

2. Nếu là công ty 100% vốn nước ngoài, Bộ Đầu tư nước ngoài & Hợp tác Kinh tế giới thiệu cho nhà đầu tư một đơn vị Cuba có trách nhiệm đối với ngành, tiểu ngành hay hoạt động kinh tế liên quan mong muốn thực hiện hoạt động đầu tư. Với đơn vị này, nhà đầu tư sẽ trao đổi các đề xuất, dự kiến của mình và đạt được sự thông qua tương ứng bằng văn bản.

Điều 21:

1. Giấy phép cho phép tiến hành hoạt động đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ quốc gia do Ủy ban Thường vụ Hội đồng bộ trưởng hoặc một Ủy ban do Cơ quan này chỉ định cấp.
2. Cấp Giấy phép đầu tư nước ngoài là thẩm quyền riêng của Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng khi việc cấp phép ấy có liên quan tới một trong các lĩnh vực được chỉ ra hoặc mang những đặc trưng sau đây:
 - a) Trong trường hợp tổng vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước vượt quá mức tương ứng 10 triệu USD.
 - b) Các công ty 100% vốn nước ngoài.
 - c) Các công ty thực hiện khai thác các dịch vụ công cộng như giao thông vận tải, thông tin, cung cấp nước, điện hoặc các công ty xây dựng và khai thác công trình công cộng.
 - d) Khi công ty nước ngoài có sự tham gia góp vốn của một Nhà nước nước ngoài.
 - e) Trong trường hợp bao gồm việc khai thác một nguồn tài nguyên thiên nhiên, trên cơ sở quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
 - f) Các công ty có liên quan tới việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà nước hoặc chuyển nhượng một quyền thực chất nào đó liên quan tới sở hữu nhà nước.
 - g) Hệ thống doanh nghiệp của các cơ quan thuộc lực lượng vũ trang.
3. Ủy ban Chính phủ có thẩm quyền cấp phép cho các hoạt động đầu tư nước ngoài không được nêu ở khổ trước.

Điều 22:

Nhà đầu tư nước ngoài có chủ ý xin Giấy phép thành lập công ty 100% vốn nước ngoài, phải cùng với đơn vị Cuba liên quan nộp đơn xin cấp phép lên Bộ Đầu tư nước ngoài & Hợp tác Kinh tế.

Điều 23:

1. Để thành lập một công ty liên doanh hoặc ký kết một hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, đơn xin cấp phép phải được nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Cuba cùng ký nộp Bộ Hợp tác kinh tế và Đầu tư nước ngoài.
2. Kèm theo đơn xin cấp phép đầu tư có các văn bản sau đây:
 - a) Để thành lập công ty liên doanh và cho phép ký hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, cần nộp các dự thảo “thỏa thuận liên kết kinh tế”, “điều lệ hoạt động” của công ty liên doanh muốn thành lập hay của “hợp đồng” sẽ được cấp phép, cũng như bản nghiên cứu tính khả thi kinh tế đối với cả hai trường hợp;
 - b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài, phải nộp các giấy tờ chứng nhận danh tính và khả năng tài chính; ngoài ra, phải nộp giấy ủy quyền chứng minh tính đại diện hợp pháp của mình nếu mang tư cách pháp nhân.
 - c) Đối với nhà đầu tư trong nước thuộc một công ty hoặc đơn vị nhà nước, phải có văn bản chấp thuận do nhà chức trách đầu ngành, tiểu ngành hay hoạt động kinh tế mà hoạt động đầu tư nước ngoài được tiến hành cấp; trong trường hợp là một công ty kinh doanh hay công ty dịch vụ dân sự 100% vốn Cuba, phải được hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng này cấp các giấy ủy quyền cụ thể ký kết các văn bản liên quan với nhà đầu tư nước ngoài.
 - d) Khi nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập một công ty 100% vốn nước ngoài, phải được sự chấp thuận của nhà chức trách đầu ngành, tiểu ngành hay hoạt động kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài có chủ ý tiến hành hoạt động đầu tư. Cần nộp điều lệ hoạt động, bản nghiên cứu tính khả thi kinh tế, các giấy tờ chứng nhận danh tính và khả năng tài chính của nhà đầu tư nước

ngoài. Ngoài ra, trong trường hợp mang tư cách pháp nhân, nhà đầu tư còn phải nộp giấy ủy quyền xác nhận tính đại diện hợp pháp của mình đối với hoạt động đầu tư đó.

Các văn bản kèm theo đơn xin cấp phép đầu tư phải được hợp pháp hóa (công chứng) theo qui định.

3. Để Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế chấp nhận đơn xin cấp phép, văn bản này phải hội đủ các qui định về thể thức và thủ tục được nêu tại điều này.

4. Khi đơn xin cấp phép được Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế chấp nhận, Bộ sẽ xin ý kiến tham vấn của các cơ quan và tổ chức liên quan khác, xem xét nhằm đưa ra một văn bản công bố hội tụ đầy đủ các ý kiến quan tâm của các cơ quan, tổ chức kể trên.

5. Hoàn thành các thủ tục trên, Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế trình Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban Chính phủ hồ sơ được thành lập liên quan kèm theo đánh giá của Bộ để các cơ quan kể trên ra quyết định tương ứng.

6. Quyết định khước từ hay cho phép đầu tư nước ngoài được đưa ra trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đơn và được thông báo cho đương sự xin cấp phép biết.

Điều 24:

1. Trong giấy phép có ghi các điều kiện, mục đích và thời hạn của hình thức đầu tư liên quan.
2. Nếu mục đích đầu tư được thông qua nhằm khai thác một dịch vụ công cộng hay một nguồn tài nguyên thiên nhiên, hoặc khai thác và vận hành một công trình công cộng; Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có thể cấp phép giao nhượng quyền quản lý liên quan với những điều kiện và thời hạn theo quy định.

Điều 25: Những điều kiện quy định trong Giấy phép có thể được làm rõ thông qua Bộ Hợp tác Kinh tế và Đầu tư nước ngoài, trong trường hợp các bên yêu cầu.

CHƯƠNG IX

CHẾ ĐỘ NGÂN HÀNG

Điều 26:

1. Các công ty liên doanh, nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước tham gia với tư cách các bên đối tác trong những hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài, có thể mở tài khoản bằng đồng tiền tự do chuyển đổi tại bất cứ ngân hàng nào thuộc hệ thống Ngân hàng Quốc gia Cuba và thông qua các tài khoản này thực hiện hoạt động rút tiền và thanh toán phát sinh trong những hoạt động của mình.
2. Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư trong nước là đối tác tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế có thể mở và giao dịch thông qua các tài khoản bằng đồng tiền tự do chuyển đổi tại các ngân hàng có trụ sở tại nước ngoài trong trường hợp được Ngân hàng Quốc gia Cuba cho phép.

Điều 27:

Các công ty liên doanh, những bên tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài trong trường hợp ngoại lệ có thể được Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cho phép thực hiện một số giao dịch rút và thanh toán nhất định bằng đồng nội tệ không chuyển đổi (CUP).

Điều 28:

Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước là đối tác tham gia các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài có thể yêu cầu các khoản vay bằng ngoại tệ:

- a) Với một ngân hàng thuộc Hệ thống Ngân hàng Quốc gia hoặc một đơn vị tài chính được Ngân hàng Quốc gia Cuba cho phép;
- b) Với các ngân hàng hoặc những đơn vị tài chính ở nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành về lĩnh vực này.

CHƯƠNG X

CHẾ ĐỘ XUẤT- NHẬP KHẨU

Điều 29:

Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư trong nước và nước ngoài là đối tác tham gia vào những hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài, có quyền xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm từ quá trình sản xuất và có quyền nhập khẩu trực tiếp cho những mục đích cần thiết của mình.

CHƯƠNG XI

CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG

Điều 30:

Trong hoạt động đầu tư nước ngoài, luật lao động và bảo hiểm xã hội hiện hành tại Cuba được chấp hành với những điều kiện cụ thể được Luật này quy định.

Điều 31:

1. Người lao động cung cấp dịch vụ lao động trong các hoạt động liên quan tới đầu tư nước ngoài theo qui định chung phải là người Cuba hoặc người nước ngoài thường trú tại Cuba.
2. Tuy vậy, các đơn vị điều hành và quản lý các công ty liên doanh hoặc các công ty 100% vốn nước ngoài hay các bên tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế có thể quyết định một số chức vụ điều hành cấp cao hoặc một số vị trí lao động mang tính chất kỹ thuật nhất định sẽ được nắm giữ bởi những cá nhân không thường trú tại Cuba. Trong những trường hợp đó, các đơn vị kể trên xác định chế độ lao động được áp dụng, các quyền lợi và nghĩa vụ đối với những lao động ấy. Những người không thường trú được hợp đồng lao động tại Cuba phải tuân thủ các điều khoản quy định hiện hành của Cuba về vấn đề nhập cảnh và người nước ngoài.

Điều 32:

1. Các công ty liên doanh, các bên tham gia trong những hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài có

thể được phép thành lập một quỹ khuyến khích kinh tế dành cho người lao động Cuba và nước ngoài thường trú tại Cuba cung cấp dịch vụ lao động trong các hoạt động liên quan tới đầu tư nước ngoài.

2. Những đóng góp vào quỹ khuyến khích kinh tế được thực hiện trên cơ sở lợi nhuận thu được. Lượng đóng góp được thoả thuận giữa các công ty liên doanh, giữa những nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước là đối tác tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và giữa các công ty 100% vốn nước ngoài với Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế.

Điều 33:

1. Nhân viên Cuba hoặc nước ngoài thường trú tại Cuba cung cấp dịch vụ lao động trong các công ty liên doanh, trừ các thành viên của đơn vị điều hành và quản lý, được hợp đồng bởi một đơn vị sử dụng lao động theo đề xuất của Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế và được Bộ Lao động và An sinh xã hội cho phép.

Thành viên của đơn vị điều hành và quản lý công ty liên doanh do hội đồng cổ đông cử ra và các thành viên này giữ mối liên hệ lao động với công ty liên doanh.

Chỉ trong các trường hợp ngoại lệ, khi cấp Giấy phép thành lập công ty liên doanh, trong giấy phép mới có quy định rằng tất cả các cá nhân cung cấp dịch vụ tại công ty liên doanh có thể được ký hợp đồng trực tiếp với công ty liên doanh ấy và luôn phải tuân thủ các quy định của luật pháp hiện hành về hợp đồng lao động.

2. Những cá nhân cung cấp dịch vụ lao động cho các đối tác tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế được phía Cuba hợp đồng thuê theo các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng lao động.
3. Trong các công ty 100% vốn nước ngoài, các dịch vụ lao động được cung ứng bởi người lao động Cuba hoặc nước ngoài thường trú tại Cuba, trừ các thành viên của những đơn vị điều hành và quản lý cấp cao, sẽ được tiến hành thông qua một hợp

đồng mà công ty chấp thuận với một đơn vị cung cấp lao động theo đề xuất của Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế và được Bộ Lao động và An sinh xã hội chấp thuận.

Thành viên của đơn vị điều hành và quản lý công ty 100% vốn nước ngoài được công ty đó cử ra và giữ mối liên hệ lao động với công ty này.

4. Lương cho nhân viên Cuba và nhân viên là người nước ngoài thường trú tại Cuba được trả bằng đồng nội tệ, khoản lương này được thu trước bằng ngoại tệ chuyển đổi, trừ trường hợp ngoại lệ được nêu ở Điều 27 của Luật này.

Điều 34:

1. Đơn vị sử dụng nhân công nêu ở điều trước ký hợp đồng cá nhân với người lao động Cuba và người lao động nước ngoài thường trú tại Cuba. Những người lao động này duy trì mối liên hệ lao động với đơn vị ấy. Đơn vị sử dụng nhân công kể trên trả lương cho người lao động.
2. Trong trường hợp các công ty liên doanh hoặc các công ty 100% vốn nước ngoài cân nhắc thấy một người lao động nào đó không thỏa mãn các yêu cầu của họ trong công việc, có thể yêu cầu công ty cung cấp nhân công thay thế bằng người lao động khác. Bất cứ khiếu nại về lao động nào sẽ được giải quyết tại đơn vị cung cấp nhân công, đơn vị này phải trả từ quỹ của mình khoản bồi thường mà người lao động có quyền nhận, khoản bồi thường này được cấp có thẩm quyền xác định. Đối với các trường hợp đã nêu, công ty liên doanh hoặc công ty 100% vốn nước ngoài phải hoàn lại cho đơn vị cung cấp nhân công số tiền thanh toán đó phù hợp với thủ tục quy định và tất cả phải được điều chỉnh dựa trên cơ sở pháp luật hiện hành.

Điều 35:

Mặc dù có các quy định tại các điều trước của Chương này, trong Giấy phép thông qua hoạt động đầu tư nước ngoài có thể thiết lập những quy định đặc biệt về lao động trong trường hợp ngoại lệ.

Điều 36:

Những thành quả về công nghệ bao gồm các sáng chế và các tài sản phi vật chất khác là chủ thể thuộc phạm vi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, có được trong khuôn khổ hoạt động của một liên kết kinh tế quốc tế hoặc bởi người lao động Cuba trong một công ty vốn nước ngoài, được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành đối với lĩnh vực này.

Điều 37:

Giao cho Bộ Lao động và An sinh xã hội thẩm quyền ra mọi qui định bổ sung cần thiết nhằm thực hiện tốt nhất các quy định được nêu tại Chương này, đặc biệt trong các vấn đề về hợp đồng lao động và kỷ luật lao động.

CHƯƠNG XII**CHẾ ĐỘ ĐẶC BIỆT VỀ THUẾ VÀ THUẾ QUAN****Điều 38:**

Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, là chủ thể chi trả các nghĩa vụ thuế sau đây:

- a) Thuế lợi tức;
- b) Thuế sử dụng nhân công và đóng bảo hiểm xã hội;
- c) Thuế quan và các phí hải quan khác;
- d) Thuế vận tải đường bộ đánh vào sở hữu các phương tiện cơ giới vận tải đường bộ; và
- e) Thuế văn bản, bao gồm các khoản phí đơn xin cấp phép, nhận và gia hạn một số văn bản nhất định.

Điều 39:

Căn cứ Luật này, việc đóng các loại thuế bởi các tự nhiên nhân và pháp nhân được nêu ở điều trước, có những lợi ích sau đây:

- a) Thuế lợi tức, được áp dụng mức đóng 30% lãi ròng. Trong những trường hợp vì lợi ích quốc gia, nếu thấy cần thiết Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ có thể giảm một phần hay

miễn toàn bộ khoản thuế lợi tức theo lợi nhuận ròng nếu khoản lợi nhuận ròng ấy được sử dụng để tái đầu tư trong nước.

- b) Trong trường hợp liên quan tới hoạt động khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, dù là loại tài nguyên có khả năng phục hồi hay không, Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có thể quyết định tăng mức đóng thuế lợi tức. Trong trường hợp này, mức đóng có thể lên tới 50%.
- c) Thuế sử dụng lao động và đóng bảo hiểm xã hội được quy định như sau:
 - 1. Sử dụng lao động được áp dụng mức thuế hiện hành là 11%.
 - 2. Đóng bảo hiểm xã hội mức 14%.
 - 3. Các mức đóng được nêu tại hai khoản trên được áp dụng căn cứ vào tổng mức lương và các thu nhập khác mà người lao động được nhận dưới bất kỳ hình thức nào, trừ những khoản khuyến khích kinh tế trả cho người lao động.
- d) Những nhà đầu tư nước ngoài là đối tác trong các công ty liên doanh hoặc các bên tham gia trong những hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, được miễn đóng thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập có được từ lợi nhuận kinh doanh.

Điều 40:

Các công ty 100% vốn nước ngoài trong suốt thời gian giao dịch vận hành có trách nhiệm đóng thuế theo qui định của hệ thống thuế hiện hành.

Điều 41:

Căn cứ theo Luật này, các tự nhiên nhân và pháp nhân được nêu tại chương này có thể được hưởng những ưu đãi đặc biệt liên quan tới chế độ hải quan, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 42:

Việc thanh toán các khoản thuế, thuế quan và các nghĩa vụ phí hải quan khác được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, áp dụng cho cả các trường hợp trị giá được ghi bằng đồng nội tệ, trừ

những trường hợp ngoại lệ do Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Điều 43:

Sau khi nghe ý kiến của Bộ Đầu tư nước ngoài và Hợp tác Kinh tế, cân nhắc các lợi ích và mức độ đầu tư, khả năng thu hồi vốn và những chỉ thị hướng dẫn của Ủy ban thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đối với các lĩnh vực kinh tế ưu tiên và những lợi ích có thể đem lại cho nền kinh tế đất nước, Bộ Tài chính và Vật giá có thể dành chế độ miễn toàn bộ hay một phần có thời hạn, hoặc ưu đãi các lợi ích tương ứng liên quan tới hệ thống thuế đặc biệt.

Điều 44:

Các công ty liên doanh, các bên tham gia vào những hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài là chủ thể tuân thủ các “Tiêu chuẩn định giá cổ phiếu” do Bộ Tài chính và Vật giá quy định. Những đơn vị nêu trên có thể tự do xác định hệ thống kế toán thuận tiện nhất cho mình và hệ thống được áp dụng luôn được điều chỉnh theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận trên phạm vi toàn cầu và thỏa mãn các yêu cầu về tài khóa.

CHƯƠNG XIII

DỰ TRỮ VÀ BẢO HIỂM

Điều 45:

1. Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước tham gia các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài bắt buộc phải thành lập quỹ dự trữ từ nguồn lợi nhuận của mình để sử dụng trong các tình huống đột xuất có thể xảy ra trong quá trình vận hành.
2. Thủ tục thành lập, sử dụng và thanh lý nguồn dự trữ nêu ở khoản trên do Bộ Tài chính và Vật giá quy định.

Điều 46:

Để không ảnh hưởng tới quỹ dự trữ được nêu tại Điều trước, các công ty liên doanh, những nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước tham gia hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài có thể tự nguyện thành lập các nguồn dự trữ khác phù hợp với các quy định của Bộ Tài chính và Vật giá.

Điều 47:

1. Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước tham gia hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài phải hợp đồng với các công ty được Bộ Tài chính và Vật giá cho phép giao dịch để mua bảo hiểm về tài sản, sở hữu, giao dịch và bất cứ hoạt động nào khác hay rủi ro nào thấy cần thiết mua bảo hiểm trên cơ sở biểu giá chi trả và các điều kiện hợp đồng cạnh tranh khác trên phạm vi quốc tế.
2. Các cơ sở công nghiệp, du lịch và các hạng mục khác hay những mặt bằng được các công ty nhà nước hoặc các tổ chức trong nước khác sử dụng để cho thuê, được người thuê mua bảo hiểm phù hợp với các điều kiện được nêu tại khổ trước.

CHƯƠNG XIV

CHẾ ĐỘ ĐĂNG KÝ VÀ THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 48:

Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư trong nước và nước ngoài là các bên tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài, trước khi bắt đầu hoạt động, phải tiến hành đăng ký hoạt động tại Đơn vị đăng ký thuộc Phòng Thương mại nước Cộng hòa Cuba trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp phép.

Điều 49:

1. Các tự nhiên nhân và pháp nhân được nêu trong chương này, nộp cho Bộ Hợp tác Kinh tế và Đầu tư nước ngoài báo cáo hoạt

động thường niên trong thời hạn 90 ngày trước khi kết thúc năm tài khóa trong giai đoạn được nêu.

2. Việc nộp báo cáo thường niên của tự nhiên nhân và pháp nhân được nêu ở Chương này được tiến hành độc lập với các nghĩa vụ thông tin với Bộ Tài chính và Vật giá, với đơn vị quản lý thuế liên quan và những nghĩa vụ khác mang tính chất thống kê theo qui định.

CHƯƠNG XV

CHẾ ĐỘ KHU NGOẠI QUAN VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 50:

Nhằm mục đích thúc đẩy xuất khẩu và thương mại quốc tế, Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có thể cho phép thành lập các Khu Ngoại quan và Khu Công nghiệp ở những khu vực có giới hạn trên lãnh thổ quốc gia.

Điều 51:

1. Khu Ngoại quan là những khu vực mà ở đó theo quyết định của Ủy ban thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có thể áp dụng một chế độ đặc biệt đối với lĩnh vực hải quan, tỷ giá trao đổi, thuế, lao động, xuất nhập cảnh, trật tự công cộng, đầu tư vốn và ngoại thương. Trong đó, các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia thực hiện các giao dịch tài chính, xuất-nhập khẩu, lưu kho, các hoạt động sản xuất hoặc tái xuất khẩu.
2. Khu Công nghiệp là khu vực mà ở đó theo quyết định của Ủy ban thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có thể áp dụng một chế độ đặc biệt đối với lĩnh vực hải quan, thuế, lao động, đầu tư vốn và ngoại thương để phát triển các hoạt động sản xuất với sự tham gia của vốn nước ngoài.

Điều 52:

Trong các Giấy phép cấp cho các hoạt động đầu tư nước ngoài có nêu rõ những thuận lợi và khuyến khích riêng biệt dành cho nhà đầu tư nước ngoài tại các Khu Ngoại quan và Khu Công nghiệp.

Điều 53:

Sự thành lập và những tiêu chuẩn liên quan đến hoạt động của các Khu Ngoại quan và Khu Công nghiệp sẽ được quy định bởi luật đặc biệt được soạn thảo riêng cho nội dung liên quan.

**CHƯƠNG XVI
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Điều 54:**

Đầu tư nước ngoài được chấp nhận và khuyến khích trong bối cảnh nhằm phát triển bền vững đất nước. Điều đó bao hàm, trong quá trình thực hiện dự án, cần phải quan tâm chú trọng gìn giữ môi trường và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Điều 55:

Trong các trường hợp triển khai cụ thể, Bộ Hợp tác Kinh tế và Đầu tư nước ngoài gửi các đề xuất đầu tư cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để Bộ này đánh giá tính phù hợp xét từ góc độ môi trường và quyết định nếu đòi hỏi phải thực hiện hay không một bản đánh giá về tác động môi trường, cũng như tiến hành các thủ tục cấp Chứng nhận Môi trường liên quan và chế độ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 56:

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường qui định các biện pháp cần thiết nhằm đưa ra giải pháp phù hợp đối với các tình huống gây thiệt hại, nguy hiểm hay rủi ro cho môi trường và nhằm sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.
2. Tự nhiên nhân hay pháp nhân chịu trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc gây hại phải thiết lập lại tình hình môi trường trước đây bằng cách sửa chữa thiệt hại vật chất và bồi thường thiệt hại.

**CHƯƠNG XVII
CHẾ ĐỘ GIẢI QUYẾT CÁC BẤT ĐỒNG**

Điều 57:

1. Các bất đồng phát sinh trong mối quan hệ giữa các đối tác của công ty liên doanh, hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhà đầu tư trong nước là các bên tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế, hoặc giữa các đối tác của một công ty 100% vốn nước ngoài dưới hình thức công ty khuyết danh cổ phần, được giải quyết theo thỏa thuận tại văn bản thành lập.
2. Nguyên tắc tương tự được áp dụng khi bất đồng phát sinh giữa một hoặc nhiều đối tác nước ngoài với công ty liên doanh hoặc với công ty 100% vốn nước ngoài mà đối tác hay những đối tác tham gia.

Điều 58:

Tranh chấp về việc thực hiện các hợp đồng kinh tế phát sinh giữa các công ty liên doanh, giữa những nhà đầu tư nước ngoài với nhà đầu tư trong nước là các bên tham gia hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và giữa các công ty 100% vốn nước ngoài với các công ty nhà nước hay các đơn vị nhà nước khác của Cuba, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Kinh tế trực thuộc Tòa án Nhân dân do Hội đồng Chính phủ Tòa án Nhân dân Tối cao quy định.

ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT

Điều khoản duy nhất: Các công ty liên doanh, những nhà đầu tư trong nước và nước ngoài là đối tác tham gia trong các hợp đồng liên kết kinh tế quốc tế và các công ty 100% vốn nước ngoài, phải chấp hành các quy định được thiết lập về Bảo vệ phòng chống các thảm họa và thiên tai.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN GIAO

Điều khoản I: Luật này được áp dụng cho các công ty liên doanh và các hình thức liên kết kinh tế quốc tế khác, đang tồn tại và vận hành kể từ ngày có hiệu lực. Tuy vậy, những lợi ích trong khuôn

khô Pháp lệnh 50 ngày 15 tháng 2 năm 1982 sẽ duy trì hiệu lực trong tất cả thời hạn đã cấp của các liên kết kinh tế quốc tế.

Điều khoản II: Luật này áp dụng cho các đơn xin cấp phép đầu tư nước ngoài hiện đang trong quá trình làm thủ tục kể từ ngày luật chính thức có hiệu lực. Bộ Hợp tác kinh tế và Đầu tư nước ngoài sẽ thỏa thuận với các đương sự có đơn xin cấp phép về thể thức tiến hành.

Điều khoản III: Các điều khoản bổ sung được ban hành bởi các Tổ chức Quản lý Nhà nước cấp Trung ương nhằm áp dụng và thực hiện tốt nhất các qui định trong Pháp lệnh số 50 ngày 15 tháng 2 năm 1982 sẽ tiếp tục được chấp hành nếu không mâu thuẫn với Luật này. Trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các tổ chức được đề cập sẽ rà soát các qui định nêu trên và điều chỉnh các qui định ấy cho phù hợp với các điều khoản của Luật này.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều khoản thứ nhất: Bãi bỏ Pháp lệnh số 50 “Về liên kết kinh tế giữa các công ty Cuba và công ty nước ngoài”, ban hành ngày 15 tháng 2 năm 1982 và bất cứ điều khoản pháp lý khác mâu thuẫn với các quy định được ghi trong Luật này. Luật này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày được đăng tải trên Công báo chính thức của nước Cộng hòa Cuba.

Điều khoản thứ hai: Giao thẩm quyền cho Ủy ban Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các Tổ chức Quản lý Nhà nước cấp Trung ương ban hành các quy định cần thiết để thực hiện tốt Luật này.

Ký ngày 5 tháng 9 năm 1995 tại phiên họp của Quốc hội
Chính quyền Nhân dân, Cung "Đại hội", Thành phố La Habana.

Chủ tịch Quốc hội

RICARDO ALARCÓN DE QUESADA
(đã ký)

(Được đăng trên Công báo Chính thức đặc biệt, số 3 ngày 6 tháng
9 năm 1995)

*Hiệu đính bản dịch: **Đại sứ Vũ Chí Công***

Biên dịch: Bộ phận Thương vụ,

La Habana, tháng 7 năm 2011.

